

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 11
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 11

NỘI DUNG	
Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp	- Văn bản: Hai đứa trẻ - Thạch Lam - Ngữ cảnh
<u>Hoạt động 1:</u> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	1. Tài liệu tham khảo: - SGK Ngữ Văn 11 – tập một (bản chuẩn) • Văn bản: Hai đứa trẻ - Thạch Lam • Ngữ cảnh - Nội dung kiến thức cần ghi nhớ ở Phụ lục 1 2. Yêu cầu - Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở. - Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học) - Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào “Phiếu tổng hợp thắc mắc” (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.
<u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Hoàn thành bài tập được giao hoặc “Phiếu học tập” (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV.

PHỤ LỤC 1

HAI ĐÚA TRẺ - Thạch Lam

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: SGK

- Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lâm), 1910 – 1942.
- Là em ruột của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Cả ba người là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn.
- Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (sau này trở thành không gian nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn).
- Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đổi tinh tế.
- Có biệt tài về truyện ngắn.
- Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật.
- Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn.
- Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

2. TÁC PHẨM

- Trích trong tập “Nắng trong vườn” (1938).
- Tiêu biểu cho truyện ngắn của Thạch Lam, kết hợp giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn.
- Bối cảnh truyện: quê ngoại của tác giả - phố huyện, ga xép Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Khác với bộ phận thơ chữ Hán, Quốc âm thi tập là thơ Nôm, thơ tiếng Việt. Vì lẽ đó mà lời thơ uyển chuyển, dung dị, gần gũi đời thường và gần với nếp cảm nếp nghĩ dân tộc. Đây cũng là lý do khiến các thi nhân và giới nghiên cứu cùng quan tâm viết bình giảng, bình thơ, cảm thụ thơ Nôm Ngu...

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn:

a. Bức tranh thiên nhiên nơi phố huyện lúc chiều tàn:

- Âm thanh:

- + Tiếng trống thu không gọi chiều về.
- + Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.
- + Tiếng muỗi vo ve.

(“Tiếng trống thu không ... trên nền trời”)

- Hình ảnh, màu sắc:

- + “*Phương tây đỏ rực như lửa cháy*”,
- + “*Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”.

- Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời.

→ Bức hoạ đồng quê quen thuộc, bình dị, thơ mộng, gợi cảm, mang cốt cách Việt Nam.

- Câu văn: dịu êm, nhịp điệu chậm, giàu hình ảnh và nhạc điệu, uyển chuyển, tinh tế

→ Người đọc nhìn, nghe, xúc cảm trước một bức tranh quê rất Việt Nam.

b. Cảnh chợ tàn và những kiếp người nơi phố huyện:

- Cảnh chợ tàn:

- + Chợ đã vắng từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.
- + Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía.

- Con người:

- + Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ.
- + Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách.
- + Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối.
- + Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ.
- + Gia đình bác xẩm mù sống bằng lời ca tiếng đàn và lòng hảo tâm của khách qua đường.

→ Cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ: sự tàn lụi, sự nghèo đói, tiêu điều của phố huyện nghèo.

d. Tâm trạng của Liên:

- Cảm nhận rất rõ: “*mùi riêng của đất, của quê hương này*”.

- Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thậm thía

- Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.

- Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.

→ Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người.

- Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình:

+ Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.

+ Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ.

2. Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya:

a. Hình ảnh của “bóng tối” và “ánh sáng”:

- Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối:

+ “Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối”.

+ “Tôi hết con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơn nữa”.

→ Bóng tối xâm nhập, bám sát mọi sinh hoạt của những con người nơi phố huyện.

- Ánh sáng của sự sống hiem hoi, bé nhỏ.

→ Đó là thứ ánh sáng yếu ớt, le lói như những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện.

- Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau

→ Biểu trưng cho những kiếp người nhỏ bé sống leo lét, tàn lụi trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ.

b. Đời sống của những kiếp người nghèo khổ trong bóng tối:

- Vẫn những động tác quen thuộc:

+ Chị Tí dọn hàng nước

+ Bác Siêu hàng phở thổi lửa.

+ Gia đình Xẩm “ngồi trên manh chiếu rách, cái thau sắt để trước mặt”, “Góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bật trong im lặng”

+ Liên, An trông coi cửa hàng tạp hoá nhỏ xíu.

→ Sống quẩn quanh, đơn điệu không lối thoát.

- Vẫn suy nghĩ và mong đợi như mọi ngày: Mong những người phu gạo, phu xe, mấy chú lính lệ vào hàng uống bát chè tươi và hút điếu thuốc lào.

- Vẫn mơ ước: “*chừng ấy người trong bóng tối đang mong đợi một cái gì tươi sáng cho cuộc sống nghèo khổ hàng ngày của họ*”

→ Ước mơ mơ hồ: tình cảnh tội nghiệp của những người sống mà không biết số phận mình sẽ ra sao.

⇒ Giọng văn: chậm buồn, tha thiết thể hiện niềm cảm thương của Thạch Lam với những người nghèo khổ.

3. Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An:

- Lí do:

+ Để bán hàng (theo lời mẹ dặn).

+ Để được nhìn chuyến tàu đêm đi qua – hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

- Hình ảnh đoàn tàu:

+ Âm thanh : sôi động

+ Ánh sáng : rực rỡ

-> ***Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua.***

- Tâm trạng:

+ Trước khi tàu đến: hồi hộp, náo nức.

+ Khi tàu đến: vui sướng, hạnh phúc, mơ mộng.

+ Khi tàu qua: băng khuâng, luyến tiếc.

*** Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con tàu:**

- Biểu tượng của một thế giới đáng sống: sự giàu sang và rực rỡ ánh sáng, nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi, nghèo khổ, tối tăm của người dân phố huyện.

- Hình ảnh của Hà Nội, của hạnh phúc, của những kỉ ức tuổi thơ êm đềm.

- Là khát vọng vươn ra ánh sáng, vượt qua cuộc sống tù túng, quẩn quanh, không cam chịu cuộc sống tầm thường, nhợt nhạt đang vây quanh.

*** Thông điệp nhà văn muốn gửi gắm:**

- Đừng để cuộc sống chìm trong cái “ao đời phẳng lặng” (Xuân Diệu). Con người phải sống cho ra sống, phải không ngừng khao khát và xây dựng cuộc sống có ý nghĩa.

- Những ai phải sống trong một cuộc sống tối tăm, mòn mỏi, tù túng, hãy cố vươn ra ánh sáng, hướng tới một cuộc sống tươi sáng.

⇒ Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.

- Bút pháp tương phản đối lập.

- Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.

- Giọng điệu thủ thi thâm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.

2. Ý nghĩa văn bản Truyện ngắn *Hai đứa trẻ* thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỗi mòn, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

PHỤ LỤC 1

NGŨ CẢNH

I. KHÁI NIỆM:

1. Tìm hiểu ngữ liệu:

2. Khái niệm: *Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo lời nói.*

II. CÁC NHÂN TỐ CỦA NGŨ CẢNH:

1. Nhân vật giao tiếp:

Người tạo lập, người lĩnh hội.

2. Bối cảnh ngôn ngữ:

- Bối cảnh giao tiếp rộng:

- Bối cảnh giao tiếp hẹp:

- Hiện thực được nói tới:

Là căn cứ để lĩnh hội đúng lời nói, câu văn

3. Văn cảnh:

Lời đối thoại hoặc lời đơn thoại, dạng nói hay dạng viết, nằm trước hay sau một đơn vị ngôn ngữ khác.

III. VAI TRÒ CỦA NGŨ CẢNH:

1. Đối với người nói (viết) và quá trình sản sinh lời nói, câu văn:

Ảnh hưởng, chi phối nội dung lời nói, câu văn.

2. Đối với người nghe (đọc) và quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn:

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC CỦA HỌC SINH
TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 11

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 11A...

Họ và tên học sinh:.....STT:.....

Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	- Mục: • Phần:	1/ 2/ 3/
2		
3		

HAI ĐỨA TRẺ - Thạch Lam

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features multiple sets of horizontal dotted lines spaced evenly down the page, providing a guide for handwriting practice. The background is white, and there are no margins or other markings present.

2. Vẽ sơ đồ tư duy bài học: Truyện Hai đứa trẻ